TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 23/2019/KDTM - PT

Ngày: 08/4/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Thẩm phán: Bà Ngô Tuyết Băng

Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

- Thư ký phiên toà: Ông Ninh Việt Hoàng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông Nguyễn Trần Thắng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/02; 05/4 và 08/4/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2017/TLPT - KDTM ngày 11/12/2017 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án sơ thẩm số 09/2017/KDTM - ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 543/2018/QĐ-PT ngày 28/12/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2018/QĐ - PT ngày 21/01/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 81 ngày 21/02/2019 giữa:

1. Nguyên đơn:Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Đình H – Trưởng bộ phận xử lý nợ và bà Lãnh Thị Mai H - Cán bộ xử lý nợ theo văn bản ủy quyền số 2691/2019/UQ – VPB ngày 02/4/2019 của Ngân hàng TMCP V thay thế văn bản ủy quyền số 3954 ngày 10/12/2018. (Có mặt tại phiêm tòa).

2. Bị đơn: Công ty TNHH H.

Địa chỉ: Số 12 ngõ 1 Đường H, phường N, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Quang C - Giám đốc.

Nơi ĐKNKTT: Số 4 ngách 105/15 phố K, phường K, quận T, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt tại phiêm tòa).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Đình H - sinh năm 1932, mất ngày 27/02/2018.

2. Bà Vũ Thị O - sinh năm 1936.

ĐKHKTT: Số 286 Phố K, phường T, quận Đ, Hà Nội.

Nơi ở hiện tại: Số 8 ngách 13 ngõ 241 Phố K, phường T, quận Đ, Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà O: bà Khổng Khánh L, trú tại: phòng 202, nhà C1C, ngõ 36 phố L, Quận Đ, Hà Nội. (Có mặt tại phiêm tòa).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà O và ông H: Luật sư Trần Văn S - Văn phòng luật sư S và Cộng Sự, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiêm tòa).

4. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng:

- Bà Vũ Thị O;Trú tại: Số 8 ngách 13 ngõ 241 Phố K, phường T, quận Đ, Hà Nội. (Vắng mặt tại phiêm tòa).

- Bà Nguyễn Thị Kim V; HKTT: số 66 Phố Q, quận H, thành phố Hà Nội; Trú tại: 30 ngách 13, ngõ 241, Phố K, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nôi. (Có mặt tại phiêm tòa).

- Ông Nguyễn Hoài N; HKTT: số 5, ngõ 105 K, quận T, thành phố Hà Nội; trú tại: số 17, ngõ 512, phố H, phường B, quận T, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt tại phiêm tòa).

-Ông Nguyễn Hoài S; HKTT: số 286 Phố K, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội;trú tại: số 29,ngõ 241 ngách 13, Phố K, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nôi. (Có mặt tại phiêm tòa).

- Bà Nguyễn Thị Thu H (Nguyễn Thu H); HKTT: số 254 K, quận T, thành phố Hà Nội;trú tại: số 12,ngõ 241 ngách 13, Phố K, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nôi. (Có mặt tại phiêm tòa).

- Bà Nguyễn Thị Thu H; HKTT: tổ 1, ngõ 105 K, quận T, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt tại phiêm tòa).

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu H là bà Khổng Khánh L, trú tại: phòng 202, nhà C1C, ngõ 36 L, Quận Đ, Hà Nội theo văn bản ủy quyền ngày 21/01/2019. (Có mặt tại phiêm tòa).

5. Người làm chứng: Đại diện Văn phòng công chứng số 1 – thành phố Hà Nội; ông Bùi Ngọc Tú – Phó Trưởng Văn phòng. (Có mặt tại phiêm tòa).

6. Người kháng cáo:Ông Nguyễn Đình H và bà Vũ Thị O là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP V trình bày:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện Ngân **hàng Thương mại cổ phần V**(sau đây gọi tắt là Ngân hàng V) trình bày:

Ngày 27/9/2011, Ngân hàng V (gọi tắt là nguyên đơn) ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1125700048 vớiCông ty TNHH H (gọi tắt là bị đơn)và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 01PLHĐ ngày 26/10/2012, kèm theo các khế ước nhận nợ số 1211800092 ngày

27/4/2012 và Phụ lục hợp đồng số 01PLHĐ sửa đổi, bổ sung khế ước nhận nợ số LD1211800092 ngày 27/04/2012.Theo đó, nguyên đơn cho bị đơn vay vốn để kinh doanh với số tiền1.100.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn: 19,5%/năm; điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần, mức điều chỉnh bằng lãi tiết kiệm 12 tháng bậc thang thấp nhất của bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 7,5%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 08, ngách 13, ngõ 241 phố Phố K, phường T , quận Đ, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 5505117 do UBND quận Đ, Hà Nội cấp ngày 04/06/2007, số QĐ cấp 2090/2007/QĐ-UB, MS: 10109193866 mang tên ông Nguyễn Đình H và vợ là bà Vũ Thị O theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1348009 ký ngày 27/10/2009 tại Phòng công chứng số 1 - thành phố Hà Nội. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 11/9/2017, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền như sau: Nợ gốc: 1.100.000.000 đồng; Nợ lãi: 1.247.341.099 đồng; Phạt chậm trả lãi: 610.889.121đồng. Tổng số: 2.958.230.219 đồng.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nêu trên và đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi và phạt chậm trả theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến ngày bị đơn thực tế thanh toán hết nợ cho nguyên đơn.

Nếu bị đơn không trả nợ hoặc không trả đủ nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo nêu trên để thu hồi nợ.

*** Bị đơn –Công ty TNHH H.**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Thay đổi lần thứ 2 ngày 07/02/2017 do nguyên đơn cung cấp thì Công ty H, có trụ sở tại số 12 ngõ 1 Đường H, phường N, quận C, Hà Nội.Toà án nhân dân quận C đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập về trụ sở Công ty TNHH H nhưng đại diện hợp pháp của Công ty không đến Toà án làm việc. Toà án đã tiến hành xác minh được biết Công ty TNHH H đã không còn hoạt động tại trụ sở Công ty từ năm 2012. Hiện tại,Công ty hoạt động ở địa chỉ nào không rõ. Toà án đã tiến hành xác minh tại Công an phường K, quận T, Hà Nội nơi ở của ông Trịnh Quang Chiến- Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH H, được cơ quan Công an cung cấp: ông Trịnh Quang C và vợ là Nguyễn Thị Thu H có đăng ký hộ khẩu thường trú số 4 ngách 105/15 K, phường K, quận T, Hà Nội. Ông Chiến và bà Hương không có mặt tại địa phương từ năm 2009 đến nay, Công an phường không nắm đượchiện nayông Chiến đang ở đâu. Toà án nhân dân quận C đã tiến hành niêm yết tất cả các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tại Uỷ ban nhân dân phường N, quận C, Hà Nội; tại số 12 ngõ 1 Đường H, phường N, quận C, Hà Nội là trụ sở của Công ty TNHH H;Niêm yết tại Uỷ ban nhân dân phường K, quận C, Hà Nội; tại số 4 ngách 105/15 K, phường K, quận T, Hà Nội là nơi ông Trịnh Quang C - Giám đốc,

người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH H đăng ký hộ khẩu thường trú; niêm yết tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án làm việc, vì vậy không có lời khai của bị đơn.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên ông Vũ Đình Hồng và bà Vũ Thị O.**

Ông Vũ Đình Hồng, bà Vũ Thị O đồng ý với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

Ngân hàng khởi kiện Công ty TNHH H và đề nghị phát mại tài sản đảm bảo của ông, bà thì ông, bà đồng ý để Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Tuy nhiên, ông H và bà O đề nghị xem xét gia đình ông bà hoàn cảnh kinh tế khó khăn, già yếu, thu nhập thấp, không có chỗ ở nào khác, xin được thanh toán tiền nợ gốc là 1.100.000.000đ để giữ lại nhà đất đã thế chấp. Tuy nhiên,cho đến nay ông H, bà O không thanh toán được số tiền nợ gốc trên nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người hiện tại đang ở trên diện tích đất này gồm có ông Nguyễn Đình H và bà Vũ Thị O.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn thanh toán khoản phạt chậm trả lãi và yêu cầu bị đơn trả các khoản nợ gồm: Nợ gốc: 1.100.000.000 đồng; Nợ lãi:1.247.341.099 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn từ ngày 27/4/2012 đến ngày 14/11/2012 là 14.658.182 đồng; nợ lãi quá hạn từ ngày 15/11/2012 đến ngày 11/9/2017 là 1.232.682.917 đồng). Tổng cộng: 2.347.341.099đồng.

Bản án số 09/2017/KDTM – ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận C quyết định :

1. Buộc Công ty TNHH H phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền vay còn nợ là: 2.347.341.099đồng. Trong đó, nợ gốc là: 1.100.000.000 đồng, nợ lãi là: 1.247.341.099 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH H còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa cácbên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH H chưa trả số nợ trên thì Ngân hàng TMCP V yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợlà: Quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 08, ngách 13, ngõ 241 phốPhố K, phường T, quận Đ, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 5505117 do UBND quận Đ, Hà Nội cấp ngày 04/06/2007, số QĐ cấp 2090/2007/QĐ-UB, MS: 10109193866 mang tên ông Nguyễn Đình H và bà Vũ Thị O theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1348009 ký ngày 27/10/2009 tại Phòng công chứng số 1, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và lãi suất thi hành án theo qui định của pháp luật.

Ngày 20/9/2017và ngày 26/9/2017, ông Nguyễn Đình H và bà Vũ Thị O kháng cáo toàn bộ bản án nêu trên của Tòa án nhân dân quận C vì Tòa án giải quyết vi phạm tố tụng và chưa đảm bảo quyền lợi của gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị O vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.Đối với ông Nguyễn Hoài N và bàNguyễn Thị Thu H, Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập hợp lệ để thực hiện các thủ tục tố tụng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng ông, bà không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập.

Luật sư Trần Văn S bảo vệ quyền và lợi ích cho bà O và ông H có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh đầy đủ nơi ở của bị đơn để lấy lời khai cũng như chưa thực hiện việc tống đạt, thông báo văn bản tố tụng dân sự một cách hợp lý đến bị đơn là vi phạm luật tố tụng dân sự;Các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn thì trách nhiệm trả nợ là của bị đơn. Đáng nhẽ,Ngân hàng phải làm đơn tố cáo và đề nghị Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, ra lệnh truy nã với giám đốc Công ty nhưng cho dù bị đơn bỏ trốn, Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thụ lý và xét xử vụ án là chưa khách quan, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự ;Cấp sơ thẩm đã sử dụng các thông tin không có giá trị tại biên bản hòa giải không thành (vắng mặt bị đơn và bà O) để làm căn cứ giải quyết vụ án, cho rằng vợ chồng bà O đã đồng ý cho xử lý tài sản thế chấp là không khách quan. Đối với bản phụ lục hợp đồng sửa đổi hợp đồng thế chấp ngày 27/10/2019 (để nâng số tiền cho vay tối đa từ 600.000.000đ lên 1.100.000.000đ) thì ông H, bà O không ký vào phụ lục này mà ông bà chỉ đến Văn phòng công chứng ký duy nhất một lần vào Hợp đồng thế chấp, bản phụ lục hợp đồng này không có chữ ký nháy của ông, bà vào từng trang nên có thể là tài liệu giả, bà O đề nghị cho giám định chữ ký của ông, bà trong văn bản trên; Đại diện của nguyên đơn không đến văn phòng công chứng để ký vào phụ lục hợp đồng mà ký, đóng dấu trước rồi gửi đến văn phòng công chứng để hoàn thành thủ tục là vi phạm Luật công chứng ; Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của ngân hàng tại văn bản ủy quyền số 02 ngày 11/02/2015 và ngày 11/11/2016 cũng không đúng qui định của pháp luật, bởi lẽ trong thời hạn ủy quyền của văn bản ủy quyền số 02, người đại theo pháp luật không có văn bản gia hạn thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo ủy quyền đã ủy quyền lại cho người khác tham gia tố tụng là vượt quá phạm vi ủy quyền; Tòa án cấp phúc thẩm chưa thu thập các tài liệu chứng cứ liên quan đến địa chỉ, thông tin của anh Nguyễn Đình Hiếu là con riêng của ông Nguyễn Đình H – theo lời khai và cung cấp bản ảnh của anh Sơn (con trai ông H) cho Tòa án vào ngày 8/8/2018. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì có những sai phạm như Luật sư đã phân tích.

Người đại diện theo ủy quyền của bà O nhất trí với quan điểm và đề xuất của Luật sư Trần Văn S và không bổ sung ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa có quan điểm về vụ án :

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được

thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định củaBộ luật tố tụng dân sự. Vụ án đang trong giai đoạn tố tụng thì ông Nguyễn Đình H chết, Tòa án đã tạm đình chỉ vụ án và đưa những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H vào tham gia tố tụng và đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng đối với họ theo đúng qui định của pháp luật.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử theo đúng qui định của pháp luật, cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng với các đương sự. Tại cấp phúc thẩm, bà O có đơn đề nghị giám định chữ ký của bà và ông H tại Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 26/10/2012 nhưng ngày 19/3/2019, bà không có mặt tại Tòa án theo yêu cầu của Tòa án để lấy mẫu chữ ký làm căn cứ giám định mà không có lý do. Người đại diện theo ủy quyền của bà O và các con bà O là các chị Vân, Hà và anh Sơn khẳng định cũng không có mẫu chữ ký của bà O và ông H nên Tòa án không có căn cứ để ra quyết định trưng cầu giám định là có căn cứ. Đối với phụ lục hợp đồng số 01, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Văn phòng công chứng số 1- thành phố Hà Nội và tại phiên tòa hôm nay đã triệu tập đại diện văn phòng tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng. Đại diện văn phòng công chứng khẳng định ông H, bà O đã trực tiếp ký phụ lục hợp đồng tại văn phòng công chứng, các bên tự nguyện ký kết, không ai bị ép buộc lừa dối, văn phòng công chứng còn lấy dấu vân tay của ông H, bà O. Văn phòng đã thực hiện thủ tục công chứng theo đúng qui định của pháp luật,vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người liên quan. Tuy nhiên, án sơ thẩm có thiếu sót, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút yêu cầu phạt chậm trả lãi, cấp sơ thẩm không đình chỉ đối với yêu cầu này là chưa đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà O và ông H, sửa án sơ thẩm về cách tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình H và bà Vũ Thị O nộp trong thời hạn luật định và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.Tại cấp phúc thẩm, ông H chết, Tòa án đưa vợ và các con của ông H vào tham gia tố tụng với tư cách những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H và đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đối với họ là đúng qui định của pháp luật.

- Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hoài N, bà Nguyễn Thị Thu H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp qui định pháp luật.

[2] Về nội dung:Xét kháng cáo của ông Nguyễn Đình H và bà Vũ Thị O đối với toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Xét Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn: Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1125700048 ngày 27/9/2011;Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 01PLHĐ ngày 26/10/2012 sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1125700048 ngày 27/9/2011; Khế ước nhận nợ số 1211800092 ngày 27/4/2012 và Phụ lục hợp đồng số 01PLHĐ sửa đổi, bổ sung khế ước nhận nợ số LD1211800092 ngày 26/10/2012được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, do các cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đủ tư cách đại diện tham gia ký kết. Nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn 1.100.000.000đ theo Giấy nhận nợ số 1211800092 ngày 27/4/2012.Hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Sau khi được vay vốn, bị đơn không thực hiện đúng các cam kết của Hợp đồng tín dụng về thời hạn thanh toán, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản nợ gốc là 1.100.000.000 đồng; Nợ lãi:1.247.341.099 đồngnhưng bị đơn không thực hiện được. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản nợ gốc, nợ lãi của hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán nợ gốc, nợ lãi cho nguyên đơn như trên là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật.

[2.2]. Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng số 13480 09 quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/10/2009 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 28/3/2011 (sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp nêu trên) được ký kết giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Đình H và bà Vũ Thị O, bên nhận thế chấp là Ngân hàng V và bên vay là Công ty TNHH H.Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 08, ngách 13, ngõ 241 phố Phố K, phường T , quận Đ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 5505117 do UBND quận Đ, Hà Nội cấp ngày 04/06/2007, số QĐ cấp 2090/2007/QĐ-UB, MS: 10109193866 mang tên ông Nguyễn Đình H và vợ là bà Vũ Thị O để bảo đảm cho Công ty TNHH H vay số tiền tối đa là 1.100.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP V.Việc ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, do các cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tham gia giao dịch, được ký tại Phòng công chứng số 1- thành phố Hà Nội và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Ông H, bà O xác nhận việc thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, tài sản thế chấp là tài sản hợp pháp mang tên ông bà, tại thời điểm thế chấp chưa được dùng làm vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ ở bất cứ tổ chức, cá nhân nào khác, tài sản không có tranh chấp nào về quyền sở hữu và sử dụng.Tại cấp sơ thẩm, ông H, bà O đều có nguyện vọng xin thanh toán nợ gốc là 1.100.000.000đ để giữ lại nhà đất, nhưng sau lại không có khả năng trả nợ gốc nên đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.Tòa án xác định hợp đồng này có hiệu lực đối với các bên,cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp nếu bị đơn không trả nợ hoặc không trả đủ nợ là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm, chị Vân, chị Hà, anh Sơn và bà O có đơn đề nghị xin giám định chữ ký của ông H và bà O tại phụ lục hợp đồng số 01 ngày 26/10/2012 vì cho rằng: chữ ký trong phụ lục này không phải của bà O và ông H và đề nghị Tòa án cấp phúc

thẩm tuyên vô hiệu đối với văn bản công chứng nêu trên và vô hiệu đối với phụ lục hợp đồng số 01.

Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa để tiến hành các thủ tục tố tụng đối với người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng và thu thập tài liệu chứng cứ để xem xét quyết định việc giám định chữ ký theo đề nghị của bà O. Sau khi thu thập tài liệu chứng cứ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 18/3/2019,Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có Quyết định số 239/2019/QĐ-CCTLCC về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ là phụ lục hợp đồng số 01 ngày 28/3/2011 để làm tài liệu đối chiếu mà đương sự cho rằng là chữ ký giả mạo.Ngày 19/3/2019, bà O và các con có văn bản phúc đáp cho rằng gia đình chưa tìm thấy các tài liệu, văn bản do bà O và ông H trực tiếp ký vào thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp và đề nghị Tòa thu thập tài liệu chứng cứ là bản phụ lục hợp đồng nêu trên. Ngày 19/3/2019, Ngân hàng đã cung cấp bản chính của Hợp đồng thế chấp và phụ lục hợp đồng làm căn cứ đối chiếu các tài liệu có trong hồ sơ.

Tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19/3/2019, người đại diện theo ủy quyền của bà O và những người thừa kế quyền nghĩa vụ của ông H là chị Vân, anh Nam, chị Hà có mặt tại buổi hòa giải có ý kiếnkhông có mẫu chữ ký của bà O và ông H ở thời điểm ông bà ký hợp đồng thế chấp nên đồng ý xác nhận chữ ký của ông, bà tại Hợp đồng thế chấp làm tài liệu để giám định và có ý kiến đúng 14g chiều cùng ngày (19/3/2019) bà O sẽ có quyết định về việc tiếp tục có yêu cầu giám định chữ ký hay không, nếu bà không có mặt để lấy mẫu chữ ký thì đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật. Đến 15 giờ chiều cùng ngày, bà O không đến Tòa án để lấy mẫu chữ ký làm căn cứ giám định mà không có lý do, người đại diện ủy quyền của bà O và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H nêu trên cũng không đến Tòa án và không đưa ra lý do về việc bà O vắng mặt theo yêu cầu của Tòa án. Ngày 21/3/2019, người đại diện theo ủy quyền của bà O và bà Hà có đơn đề nghị không công nhận 2 tài liệu do nguyên đơn xuất trình là Hợp đồng thế chấp và phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp nêu trên vì tài liệu này ở cấp sơ thẩm không được thu thập.

Ngày 27/3/2019, người đại diện theo ủy quyền của bà O cung cấp bản mẫu chữ ký của bà O (do chị Nguyễn Thị Kim V và Nguyễn Thị Thu Hàxác nhận là chữ ký của bà O); Đơn của ông H gửi UBND phường K, quận T từ năm 2001. Cả 2 tài liệu mà người đại diện theo ủy quyền cung cấp và trình bày trong đơn là bút tích của ông bà Hồng, Oanh là do các con ông bà cung cấp, không có dấu hoặc xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thể hiện đó là chữ ký, chữ viết của ông, bà O Hồng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H và bà O vẫn tiếp tục đề nghị Tòa án thu thập bản Hợp đồng thế chấp và Phụ lục hợp đồng gốc từ nguyên đơn và khẳng định chỉ đề nghị giám định chữ ký của bà O và ông H tại 2 văn bản này mà không được lấy chữ ký trực tiếp nào khác của bà O làm mẫu giám định.

Xét thấy, bà O và các con đề nghị Tòa án giám định chữ ký của bà O và ông H trong phụ lục hợp đồng số 01 vì cho rằng đó là chữ ký giả mạo, nhưng bà O không đến Tòa án để Tòa án tiến hành lấy chữ ký trực tiếp của bà làm mẫu đi giám định. Ngày

27/3/2019, người đại diện theo ủy quyền của bà O cung cấp chữ ký của ông H và bà O theo hình thức như đã nêu trên. Như vậy, các đương sự có yêu cầu giám định chữ ký mà không hợp tác, không đến Tòa án lấy mẫu chữ ký làm căn cứ giám định một cách hợp pháp nên Tòa án cũng không có căn cứ ra Quyết định trưng cầu giám định, yêu cầu này của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có căn cứ chấp nhận.

- Về ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà O, ông H cho rằng đại diện của Ngân hàng V không đến Văn phòng công chứng để ký vào phụ lục hợp đồng mà ký, đóng dấu trước rồi gửi đến văn phòng công chứng để hoàn thành thủ tục và đề nghị Tòa án tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu. Xét thấy, tại Điều 48 của Luật Công chứng qui định về việc "Ký, điểm chỉ trong văn bản công chứng" như sau:*"...Trong trường hợp người có thẩm quyền giao kết hợp đồng của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp khác đã đăng ký chữ ký mẫu tại tổ chức hành nghề công chứng thì người đó có thể ký trước vào hợp đồng;công chứng viên phải đối chiếu chữ ký của họ trong hợp đồng với chữ ký mẫu trước khi thực hiện việc công chứng"*. Như vậy, Công chứng viên đã đối chiếu chữ ký và con dấu của bên nhận thế chấp, phù hợp với mẫu dấu và chữ ký mà Ngân hàng V đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng số 1 - thành phố Hà Nội và tiến hành công chứng là phù hợp với qui định của Luật Công chứng nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của người liên quan. Mặt khác, tại cấp sơ thẩm, cả ông H và bà O đều không có yêu cầu độc lập tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm.

- Ý kiến của Luật sư về phạm vi ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của ngân hàng Ngân hàng V. Xét thấy, tại văn bản ủy quyền số 02 ngày 11/2/2015, ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị đã ủy quyền cho ông Hoàng Anh Tuấn, ông Đỗ Thành Trung và ông Phạm Tuấn Anh tham gia tố tụng và người được ủy quyền có quyền ủy quyền lại cho người khác, thời hạn ủy quyền là 2 năm kể từ ngày ký văn bản ủy quyền hoặc đến khi có văn bản ủy quyền khác thay thế. Ngày 18/01/2017, Ngân hàng V có văn bản ủy quyền số 04 thay thế văn bản ủy quyền số 02 nêu trên (văn bản được xuất trình ở cấp sơ phúc thẩm). Theo văn bản này thì người được nhận ủy quyền vẫn là ông Hoàng Anh Tuấn, ông Đỗ Thành Trung và ông Phạm Tuấn Anh và ngày 11/9/2017, các ông có tên trên tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm là đúng qui định của pháp luật, nội dung kháng cáo này không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa thu thập đối với văn bản ủy quyền này là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

- Về ý kiến của gia đình bà O về việc ông H có người con riêng là anh Nguyễn Đình Hiếu và chị Nguyên. Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, bà O khai có nghe ông H nói lại với bà là ông có con riêng là Nguyễn Đình Hiếu, ngoài ra bà không có tài liệu, chứng cứ nào khác. Ngày 02/8/2018, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 314/2018/QĐ-CCTLCC yêu cầu bà Vũ Thị O cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh anh Hiếu và chị Nguyên là con của ông H. Ngày 08/8/2018, bà O cung cấp bản ảnh ngày ông H mất, anh Hiếu mặc áo tang đứng bên linh cữu của ông H và đơn trình bày chị Nguyên không phải là con ruột của ông H. Xét thấy, tài liệu mà bà O cung cấp không đủ căn cứ pháp lý để chứng minh anh

Hiếu là con ruột của ông H. Vì vậy, yêu cầu của bà O không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về ý kiến Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh đầy đủ về thông tin và tài sản của bị đơn để lấy lời khai cũng như chưa thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt, thông báo văn bản tố tụng dân sự một cách hợp lý đến bị đơn là vi phạm tố tụng. Xét thấy, cấp sơ thẩm đã xác minh địa chỉ của bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn và đã niêm yết các văn bản tố tụng tại các địa chỉ trên theo đúng qui định tại đoạn 2 Khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, qua nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: đối với phụ lục hợp đồng số 01 ngày 28/3/2011 (sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 27/10/2009) không có số công chứng. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Văn phòng Công chứng số 1 - thành phố Hà Nội và triệu tập đại diện văn phòng công chứng tham gia tố tụng tại phiên tòa với tư cách nhân chứng. Đại diện Văn phòng cho biết: phụ lục hợp đồng lấy theo số hợp đồng và có số 1348009, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD. Bản phụ lục mà Ngân hàng V lưu giữ và bản phụ lục lưu giữ tại phòng công chứng có nội dung trùng khớp nhau, bản phụ lục ngân hàng lưu không có số có thể do lỗi văn thư và khẳng định đại diện ngân hàng, Công ty H và ông H, bà O đã ký phụ lục này tại văn phòng công chứng số 1 - thành phố Hà Nội và thủ tục công chứng được thực hiện theo đúng qui định của pháp luật. Xét thấy, bản phụ lục hợp đồng mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm không có chữ ký nháy của ông H, bà O vào từng trang văn bản, không có số của phụ lục. Tòa án cấp phúc thẩm đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp bản chính để đối chiếu, qua đối chiếu bản Phụ lục hợp đồng có chữ ký nháy của ông H, bà O vào từng trang, không có số công chứng; bản phụ lục mà văn phòng công chứng lưu giữ có chữ ký nháy của ông H, bà O vào từng trang, có số và có điểm chỉ của ông H, bà O. Tuy có lỗi về hình thức văn bản như đại diện văn phòng công chứng thừa nhận nhưng cả 3 bản phụ lục đều có giá trị như nhau, có nội dung trùng khớp nhau và đều thể hiện ý chí tự nguyện của ông bà Hồng, Oanh khi ký phụ lục hợp đồng nêu trên.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà O và ông H (do bà O và các con ông H, bà O là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng TMCP V rút yêu cầu buộc Công ty TNHH H thanh toán khoản tiền phạt chậm trả lãi, Tòa án ghi nhận sự tự nguyện rút yêu cầu của Ngân hàng TMCP V mà không đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này là chưa chính xác.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; nguyên đơnkhông phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09 ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân quận C về cách tuyên. Cụ thể:

Áp dụng các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 318, 319, 323, 342, 355, 471Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;Nghị định 11/2012/NĐ - CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị O và ông Nguyễn Đình H (do bà Vũ Thị O và các con là Vũ Thị Kim V, Vũ Hoài S, Vũ Hoài N, Vũ Thị Thu H và Vũ Thị Thu G thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng).

2. Đình chỉ yêu cầu phạt chậm trả lãi:610.889.121đồng của Ngân hàng TMCP V đối với Công ty TNHH H.

3. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V đối với Công ty TNHH H. Buộc Công ty TNHH H phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền còn nợ là: 2.347.341.099đồng. Trong đó nợ gốc là: 1.100.000.000 đồng, nợ lãi là: 1.247.341.099 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH H còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng được ký giữa các bên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

4. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH H chưa trả số nợ nói trên thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 08, ngách 13, ngõ 241 phốPhố K, phường T, quận Đ, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 5505117 do UBND quận Đ, Hà Nội cấp ngày 04/06/2007, số QĐ cấp 2090/2007/QĐ-UB, MS: 10109193866 mang tên ông Nguyễn Đình H và vợ là bà Vũ Thị O theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1348009 ký ngày 27/10/2009 tại Phòng công chứng số 1 thành phố Hà Nộiđể thu hồi nợ.

5.Về án phí: Công ty TNHH H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 78.947.000 đồng.

Ngân hàng TMCP V được hoàn lại số tiền 40.000.000 đồng dự phí đã nộp theo Biên lai số 1308 ngày 15/02/2017 tại Cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Hà Nội**.** Hoàn trảbà Vụ Thị Oanh và ông Nguyễn Đình H (do bà Vũ Thị O và các con là Vũ Thị Kim V, Vũ Hoài S, Vũ Hoài N, Vũ Thị Thu H và Vũ Thị Thu G thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng) mỗi người 2.000.000đ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí và lệ phí Tòa án số 0005274 và 0005273 ngày 29/9/2017 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 08/4/2019.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân quận C;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Chi Cục THADS quận C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Thanh Thủy